

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2026/DS-ST

Ngày: 29/4/2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Quốc Tiệp;

Ông Triệu Lát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 59/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ Phần Đ1; địa chỉ: Số D đường L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đặng Q – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Đ1, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện ủy quyền: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S (S1); địa chỉ: Số G phố T, phường C, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền lại: Ông Phan Tấn Đ và ông Tô Thanh H – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S (S1) – Chi nhánh C; địa chỉ: Số A đường H, phường N, thành phố Cần Thơ (Ông Phan Tấn Đ có mặt, ông Tô Thanh H vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Minh H1, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C đường N, Khóm F, phường P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/3/2021 Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S (S1) với bà Nguyễn Thị Kim N đã ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 0055/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.130300, cụ thể: Số tiền vay 10.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn: Tài trợ tiền mua bất động sản. Thời hạn vay: 230 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn 12%/năm. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 26. Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Nguyễn Thị Kim N đã ký kết với Ngân hàng là Hợp đồng thế chấp số 0055/2021/HĐTC-CN/SHB.130300 ngày 26/3/2021, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 36; tọa lạc tại Khóm C, Phường B, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Khóm C, phường P, thành phố Cần Thơ) do bà Nguyễn Thị Kim N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân, bà N đã nhận đủ số tiền vay. Trong quá trình vay vốn bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng nên phát sinh tranh chấp. Ngày 20/12/2021, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S đã bán toàn bộ khoản nợ của bà N cho Công ty Cổ Phần Đ1. Nay Công ty Cổ Phần Đ1 yêu cầu như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần Đ1 theo hợp đồng tín dụng số 0055/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.130300 ngày 26/3/2021. Tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/04/2026 là: 18.048.694.635 đồng (bằng chữ: Mười tám tỷ không trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng) (trong đó: Nợ gốc là: 9.913.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 5.743.775.308 đồng; Nợ lãi quá hạn cấu phần 100% là: 885.379.447 đồng; Nợ lãi phạt chậm gốc (Nợ lãi quá hạn cấu phần 50%) là: 442.267.829 đồng; Lãi phạt chậm trả lãi là: 1.064.272.051 đồng) và toàn bộ nợ lãi phát sinh từ ngày 30/04/2026 theo các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi bà Nguyễn Thị Kim N thanh toán toàn bộ nghĩa vụ cho Công ty cổ phần Đ1.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Kim N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ nêu trên thì Công ty cổ phần Đ1 yêu cầu Tòa án tuyên Công ty cổ phần Đ1 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 124749 (Số vào sổ cấp GCN: 4720 QSDĐ) do Ủy ban nhân dân thị xã S cấp ngày 02/8/2004, chỉnh lý biến động ngày 09/3/2021 cho bà Nguyễn Thị Kim N, Thửa đất số 49 Tờ bản đồ số 36, Địa chỉ đất tại: Khóm C, phường B, thị xã S (nay là phường P, thành phố Cần Thơ).

- Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh H1: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt, không thể hiện ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đại diện nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Còn đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Đ1 số tiền vay còn nợ tính đến ngày 29/4/2026 là 18.048.694.635 đồng (bằng chữ: Mười tám tỷ không trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng) (trong đó: Nợ gốc là: 9.913.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 5.743.775.308 đồng; Nợ lãi quá hạn cấu phần 100% là 885.379.447 đồng; Nợ lãi phạt chậm gốc (Nợ lãi quá hạn cấu phần 50%) là 442.267.829 đồng; Lãi phạt chậm trả lãi là 1.064.272.051 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Kim N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ nêu trên cho Công ty cổ phần Đ1 thì Tòa án tuyên Công ty cổ phần Đ1 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 124749 (Số vào sổ cấp GCN: 4720 QSDĐ) do Ủy ban nhân dân thị xã S cấp ngày 02/8/2004, chỉnh lý biến động ngày 09/3/2021 cho bà Nguyễn Thị Kim N, Thửa đất số 49 Tờ bản đồ số 36, Địa chỉ tài sản Khóm C, phường B, thị xã S (nay là phường P, thành phố Cần Thơ).

Đề nghị tuyên án phí, chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ1 về việc trả số tiền vay:

[2.1] Công ty Cổ phần Đ1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ trả số nợ tính đến ngày 29/4/2026 là 18.048.694.635 đồng (bằng chữ: Mười tám tỷ không trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 9.913.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 5.743.775.308 đồng; nợ lãi quá hạn cấu phần 100% là 885.379.447 đồng; nợ lãi phạt chậm gốc (nợ lãi quá hạn cấu phần 50%) là 442.267.829 đồng; lãi phạt

chậm trả lãi là 1.064.272.051 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 30/4/2026 theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng trung hạn số 0055/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.130300 ngày 26/3/2021 ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Kim N; Hợp đồng thế chấp số 0055/2021/HĐTC-CN/SHB.130300 ngày 26/3/2021; cùng các tài liệu thể hiện việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chuyển nhượng khoản nợ cho Công ty Cổ phần Đ1 vào ngày 20/12/2021. Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Kim N đã vay số tiền gốc 10.000.000.000 đồng, hiện còn nợ gốc 9.913.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận lời trình bày và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn.

[2.2] Xét thấy, khi thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân cho bà Nguyễn Thị Kim N theo thỏa thuận. Sau khi khoản nợ được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Đ1, bà Nguyễn Thị Kim N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ theo nội dung đã cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng và quy định tại Điều 103 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của Công ty Cổ phần Đ1 về việc buộc bà Nguyễn Thị Kim N thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chuyển nhượng khoản nợ cho Công ty Cổ phần Đ1 vào ngày 20/12/2021 là phù hợp quy định về chuyển giao quyền yêu cầu theo Điều 365 và Điều 366 Bộ luật Dân sự. Do đó, Công ty Cổ phần Đ1 có đầy đủ quyền và tư cách pháp lý để yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[2.3] Về tiền lãi: Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Số tiền lãi còn lại bị đơn phải trả tính đến ngày 29/4/2026 là Nợ lãi trong hạn là 5.743.775.308 đồng; Nợ lãi quá hạn cấu phần 100% là 885.379.447 đồng; Nợ lãi phạt chậm gốc (Nợ lãi quá hạn cấu phần 50%) là 442.267.829 đồng; Lãi phạt chậm trả lãi là 1.064.272.051 đồng) và bà N phải trả lãi phát sinh sau ngày 29/4/2026 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày trả hết nợ.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng thế chấp số 0055/2021/HĐTC-CN/SHB.130300 ngày 26/3/2021, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 36; tọa lạc tại Khóm C, Phường B, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Khóm C, phường P, thành phố Cần Thơ) do bà Nguyễn Thị Kim N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên cho nguyên đơn được quyền xử lý tài sản thế chấp. Nhận thấy hợp đồng thế chấp đã được chứng thực tại Văn phòng C1 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đại thành phố S.

Hợp đồng thế chấp được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật theo Điều 317 Bộ luật Dân sự và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Vì vậy, trong trường hợp bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Công ty cổ phần Đ1 yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, phần đất thế chấp hiện nay ông Võ Minh H1 đang sử dụng làm đường đi. Do đó dành quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh H1 được quyền ưu tiên mua lại quyền sử dụng đất thế chấp khi có nhu cầu tại thửa số 49, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại Khóm C, phường P, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 325 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu của Công ty Cổ phần Đ1 về việc xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 200.000 đồng, bà N phải chịu. Công ty cổ phần Đ1 đã nộp tạm ứng trước nên bà N phải có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng để trả lại cho Công ty cổ phần Đ1, nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty cổ phần Đ1 không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Điều 299, 317, 325, 365, 366 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Đ1 đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần Đ1 tổng số nợ tính đến ngày 29/4/2026 là 18.048.694.635 đồng (bằng chữ: Mười tám tỷ không trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng) (trong đó: Nợ gốc là 9.913.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 5.743.775.308 đồng; Nợ lãi quá hạn cấu phần 100% là 885.379.447 đồng; Nợ lãi phạt chậm gốc (Nợ lãi quá hạn cấu phần 50%) là 442.267.829 đồng; Lãi phạt chậm trả lãi là 1.064.272.051 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Trong trường hợp bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Công ty cổ phần Đ1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 124749 (Số vào sổ cấp GCN 4720 QSDĐ) do Ủy ban nhân dân thị xã S cấp ngày 02/8/2004, chỉnh lý biến động ngày 09/3/2021 cho bà Nguyễn Thị Kim N, Thửa đất số: 49 Tờ bản đồ số: 36, Địa chỉ tài sản: Khóm C, phường B, Thị xã S (nay là phường P, thành phố Cần Thơ) để thanh toán nợ cho Công ty cổ phần Đ1.

3. Dành quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh H1 được quyền ưu tiên mua lại quyền sử dụng đất thế chấp khi có nhu cầu tại thửa số 49, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại Khóm C, phường P, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 325 Bộ luật Dân sự.

4. Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N phải nộp chi phí tố tụng là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho Công ty cổ phần Đ1, nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 126.048.695 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng), nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ. Công ty cổ phần Đ1 không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.271.038 đồng (Sáu mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, không trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006458 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố CT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 8 - CT;
- Phòng THADS khu vực 8 - CT;
- Các đương sự, đại diện DS;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Mến